TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HS-ST
Ngày 05/9/2024

NHÂ N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Bách
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Khoàng Văn Sơn
2. Ông Trần Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối bị cáo và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/HSST- QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Giàng A S sinh ngày 27 tháng 5 năm 1962; tại xã Lùng Cải, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; Nơi thường trú: Bản Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; Thẻ CCCD: 011062001091; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Sùng P sinh năm 1942 (đã chết) và con bà Vàng Thị M sinh năm 1944 (đã chết); Có vợ: Vàng Thị S sinh năm 1962; Có 05 con lớn nhất 43 tuổi, nhỏ nhất 24 tuổi; Tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo Giàng A S bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 6 năm 2024 đến nay, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Là Ông Hờ A Lù tịch UBND, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ. Bà Lò Thị Thu Hiền; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Nậm Tin.

Quyết định số: 56/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ. Về cử đại diện tham gia tố tụng. Vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
Anh Lường Văn Bình. Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1986. Vắng mặt.
Nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
-Đại diện cho cộng đồng bản Nậm Tin, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ:
Ông Vàng A Sang. Sinh năm 1985. Vắng mặt.
Chị Sùng Thị Gió . Sinh năm 1986. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Bản Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Người phiên dịch: Vàng Thị Dính sinh năm 1988.

Trú tại: Bản Huổi Đáp, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Người bào chữa cho bị cáo Giàng A Sái: Bà Nguyễn Thị Lan trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 01 năm 2024 bị cáo Giàng A S cầm theo 01(một) con phát (loại dao quắm) và 01 cưa máy lên khu vực rừng thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10 thuộc bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, được quy hoạch là rừng sản xuất theo Quyết định số 1208/QĐ – UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, hiện đã được giao cho cộng đồng dân cư bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, quản lý, bảo vệ. Mục đích chặt phá rừng lấy đất làm nương. Trước khi chặt phá bị cáo Giàng A S không hỏi các cấp chính quyền địa phương. Bị cáo Giàng A S đã dùng dao quắm và cưa máy để chặt phá rừng sau 03 (ba) ngày, do tuổi cao sức yếu nên Giàng A S đã nhờ con dâu là Sùng Thị Gió phát hộ một buổi sáng thì chặt phá xong đám rừng.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo đếm diện tích rừng bị chặt phá. Khu rừng bị cáo Giàng A S chặt phá thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10, loại rừng sản xuất. Diện tích bị cáo Giàng A S chặt phá là 7.472,29m^2, diện tích rừng trên do Cộng đồng dân cư bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ quản lý bảo vệ.

Tại kết luận số 19/KL-GĐ ngày 10/5/2024 của giám định viên Tư pháp thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: Diện tích rừng bị phá có diện tích là 7.472,29m^2, thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10 do bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên quản lý bảo vệ. Kết luận trạng thái khu rừng bị chặt phá: Vị trí đám rừng bị phá nằm trong Tiểu khu 441, khoảnh 10 nêu trên là rừng tự nhiên, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK).

Vị trí đám rừng bị phá nằm trong Tiểu khu 441, khoảnh 10 thuộc địa phận bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL- HĐĐGTS ngày 06 tháng 5 năm 2024 kết luận: Khối lượng 5,851m3 gỗ tròn từ nhóm VI đến nhóm VIII có giá 8.776.500 đồng. Khối lượng 2,81m3 củi tận thu có giá 421.500 đồng. Tiền bảo vệ dịch vụ môi trường rừng là 760.198 đồng. Tổng thiệt hại về lâm sản và dịch vụ về môi trường rừng đối với đám rừng mà bị cáo Giàng A S chặt phá là 9.958.198 đồng (*Chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng).*

Bản cáo trạng số: 54/CT-VKSNP ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ đã truy tố Giàng A S để xét xử về tội: "Hủy hoại rừng" theo quy định điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phiên

tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Giàng A S từ **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù đến **02** (hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS đối với bị cáo; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về rừng cho Nhà nước. Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Áp dụng Nghị Quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Miễn toàn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A S không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo dẫn đến nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo Giàng A S đã tự nguyện bồi thường với số tiền là 3.500.000 đồng thiệt hại cho Nhà nước. Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51BLHS, xem xét xử phạt cho bị cáo Giàng A S mức hình phạt thấp nhất đề nghị của Viện kiểm sát; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; không áp dụng khoản 4 Điều 243 BLHS về hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Miễn toàn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm cho bị cáo

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí với nội dung truy tố trong Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Giàng A S nhất trí với lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung; không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội bị cáo thấy: Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng đã có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng giữa tháng 01 năm 2024 bị cáo Giàng A S cầm theo 01(một) con phát (loại dao quắm) và 01 cưa máy lên khu vực rừng thuộc tiểu khu 441, khoảnh 10 thuộc bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, được quy hoạch là rừng sản xuất theo Quyết định số 1208/QĐ – UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, hiện đã được giao cho cộng đồng dân cư bản Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ, quản lý, bảo vệ. Mục

đích chặt phá rừng lấy đất làm nương. Trước khi chặt phá bị cáo Giàng A S không hỏi các cấp chính quyền địa phương. Bị cáo Giàng A Sái đã dùng dao quắm và cưa máy để chặt phá rừng sau 03 (ba) ngày, do tuổi cao sức yếu nên Giàng A S đã nhờ con dâu là Sùng Thị Gió phát hộ một buổi sáng thì chặt phá xong đám rừng. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo Giàng A S đã phạm tội " Hủy hoại rừng" theo quy định tại b khoản 1 Điều 243 BLHS.

Việc VKSND huyện Nậm Pồ truy tố bị cáo Giàng A S về tội " Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Giàng A S đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là 3.500.00 đồng đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Giàng A S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của BLHS.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội bị cáo thấy: Đây là vụ án nghiêm trọng về hủy hoại rừng, mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ rừng, gây những tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, cản trở tới việc thực hiện các chính sách kinh tế. Do vậy cần xử lý bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Giàng A S từ **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù đến **02** (hai) năm tù. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần xem xét xử phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS có căn cứ nên được áp dụng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội do đó HĐXX chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ *".* Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn. Do đó HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với chị Sùng Thị Gió là người được Giàng A S nhờ đi chặt phát một phần đám rừng trên, quá trình điều tra xác định trước khi nhờ Sùng Thị Gió đi chặt phá rừng bị cáo Giàng A S đã nói với chị Sùng Thị Gió đây là nương cũ của gia đình bị cáo Giàng A S không phải là rừng. Vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra bị cáo Giàng A S khai báo do biết Giàng A Pao, trú tại bản Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ có 01(một) đám nương bỏ hoang từ năm 2021 nên bị cáo Giàng A S đến hỏi mượn đám nương để cánh tác và được Giàng A Pao đồng ý. Qua xác minh, Giàng A Pao hiện vắng mặt tại nơi cư trú. Vì vậy cơ quan điều tra sẽ tiến hành điều tra xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với chiếc máy cưa của bị cáo Giàng A S dùng để cưa hạ các cây gỗ, do máy cũ nên sau khi sử dụng xong đã bị hỏng. Bị cáo Giàng A S để ở hiên nhà thì bị mất. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không đề cập xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo Giàng A S phải bồi thường thiệt hại tài sản về rừng với số tiền là: 9.958.198 đồng (*Chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng*). Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền là 3.500.000 *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*. Bị cáo Giàng A S còn phải bồi thường tiếp số tiền là: 6.458.198 đồng *(Sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng)* để nộp sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* con dao phát (loại dao quắm) có tổng chiều dài 96 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 55 cm, đường kính cán dao dài 2,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41 cm mà Giàng A S sử dụng để chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* con dao phát (loại dao quắm) có tổng chiều dài 41 cm, không có cán dao, bề rộng nhất 07 cm, bề nhỏ nhất 04 cm mà Sùng Thị Gió sử dụng để chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng.

Đối với toàn bộ số lâm sản gồm 5,851 m3 gỗ và 2,81m3 do hành vi hủy hoại rừng của bị cáo Giàng A S gây ra diện tích 7.472,29 m2, sau khi khám nghiệm hiện trường các cơ quan chức năng không tiến hành thu giữ mà để tại hiện trường và giao cho UBND xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ trông coi, quản lý, để số gỗ, củi cho tự phân hủy để cải tạo đất rừng.

[7] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Ngày 16 tháng 8 năm 2024 bị cáo Giàng A S đã có đơn đề nghị miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án; HĐXX quyết định cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát; Kiểm sát viên, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ; người bào chữa không khiếu nại hoặc ý kiến gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Áp dụng Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS;

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A S phạm tội " Hủy hoại rừng".

2.Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng A S: **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 05 tháng 9 năm 2024 để đảm bảo thi hành án.

3.Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo Giàng A S phải bồi thường thiệt hại tài sản về rừng với số tiền là: 9.958.198 đồng (*Chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng*). Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền là 3.500.000 *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*. Bị cáo Giàng A S còn phải bồi thường tiếp số tiền là: 6.458.198 đồng *(Sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng)* để nộp sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* con dao phát (loại dao quắm) có tổng chiều dài 96 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 55 cm, đường kính cán dao dài 2,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41 cm mà Giàng A S sử dụng để chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* con dao phát (loại dao quắm) có tổng chiều dài 41 cm, không có cán dao, bề rộng nhất 07 cm, bề nhỏ nhất 04 cm mà Sùng Thị Gió sử dụng để chặt phá rừng không còn giá trị sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa Công an huyện Nậm Pồ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Pồ.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

6.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Giàng A S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 9 năm 2024).

Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án; quyết định của Tòa án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA Tòa án tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Nậm Pồ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan ĐT Công an huyện Nậm Pồ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Nậm Pồ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Nậm Pồ;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Nậm Pồ;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- UBND xã Nậm Tin;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Nậm Pồ;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- Lưu HS, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Bách